



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BẾN TRE  
**AQUATEX BENTRE®**

Tân Thạch - Châu Thành - Bến Tre

Tel: 84.75.3860265 - Fax: 84.75.3860346

E-mail: abt@aquatexbentre.com - WebSite: www.aquatexbentre.com

**CHƯƠNG TRÌNH  
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2012**

- Địa điểm: Hội trường Công ty

- Thời gian: Từ 8h15', thứ bảy, ngày 31/03/2012

TT	Nội dung	Phụ trách	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp đón đại biểu, đăng ký tham dự, phát tài liệu	BTC	8h15 – 9h00	
2	Công bố tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tham dự ĐH	Trưởng BTC	9h00 – 9h15	Biểu quyết giơ tay
3	Giới thiệu Chủ tọa, Ban thư ký và thông qua Ban kiểm phiếu			
4	Thông qua chương trình và qui chế tổ chức ĐH			
5	Báo cáo hoạt động, kết quả SXKD và báo cáo tài chính kiểm toán của HĐQT	Thư ký HĐQT	9h15 – 9h30	
6	Báo cáo hoạt động của BKS	Trưởng BKS	9h30 – 9h40	
7	Tờ trình của HĐQT về các vấn đề xin ý kiến ĐH	Chủ tịch HĐQT	9h40 – 10h45	- Phiếu đóng góp ý kiến - Biểu quyết bằng thẻ
8	Thảo luận của cổ đông và giải trình của HĐQT			
9	Biểu quyết các vấn đề theo tờ trình của HĐQT			
10	- Khai thông yêu cầu bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2012-2016 - Thông qua số lượng thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2012-2016		10h45 – 11h25	- Giấy đề cử - Giấy ứng cử - Biểu quyết giơ tay
11	- Thông qua qui chế bầu cử - Phát phiếu bầu - Bỏ phiếu	Trưởng Ban kiểm phiếu	11h25 – 11h40	- Biểu quyết giơ tay - Phiếu bầu cử
12	Giải lao – Ban kiểm phiếu kiểm phiếu		11h40 – 12h00	
13	Công bố kết quả bầu cử HĐQT và BKS	Trưởng Ban kiểm phiếu	12h00 – 12h05	
14	Giải lao – HĐQT và BKS họp phiên I bầu Chủ tịch/P.CT HĐQT và Trưởng BKS	Chủ tịch HĐQT	12h05 – 12h20	
15	- Công bố kết quả họp HĐQT và BKS phiên I – HĐQT và BKS ra mắt		12h20 – 12h30	
16	Công bố Biên bản và Nghị quyết ĐH	Thư ký ĐH	12h30 – 12h40	
17	Đáp từ bế mạc	Chủ tịch HĐQT	12h40 – 12h45	
18	Tiệc chiêu đãi		Từ 12h45	

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTCP XNK THỦY SẢN BẾN TRE**



**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ SXKD VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2011**  
**MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2012**

**A/ BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2011:**

**I/ Hoạt động SXKD**

**1/ Công tác nuôi**

Tiếp tục thực hiện chủ trương xây dựng hệ thống sản xuất khép kín từ ương cá giống đến nuôi trồng và chế biến với kỹ thuật tiên tiến, trong năm 2011 Công ty triển khai tốt nhiều giải pháp:

- Thi công và đưa vào sử dụng nhiều ao ương cá giống tại trại Cồn Bàn và trại Tiên Thủy.
- Tổ chức và tăng cường công tác quản lý tại các trại nuôi về nhân sự, điều hành, qui trình kỹ thuật và chi phí nuôi.

- Tập trung nuôi vỗ cá bố mẹ, tăng sản lượng sinh sản cá bột tại Tiên Thủy.
- Tiếp nhận đàn cá bố mẹ trong khuôn khổ dự án quốc gia chuyển giao công nghệ sản xuất giống cá tra chất lượng cao của Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản II.
- Mở rộng ương cá bột, cá hương sang các trại cá thịt khu vực Phú Túc và Cồn Bàn.
- Tái đánh giá GlobalGAP đạt kết quả tốt với việc mở rộng đánh giá chứng nhận cho hoạt động nuôi vỗ và sinh sản cá giống nhân tạo.

Kết quả vụ nuôi: Sản lượng thu hoạch đạt 393 triệu con cá bột, 8.511 tấn cá thịt giúp chủ động trên 70% nhu cầu cá nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu tại Công ty theo qui trình khép kín, góp phần hạn chế được rủi ro đầu vào, kiểm soát tốt chi phí và chất lượng sản phẩm.

Hoạt động nuôi năm 2011 đã giúp Công ty ổn định nguồn nguyên liệu "sạch" đầu vào, kiểm soát chất lượng sản phẩm cá xuất khẩu đáp ứng yêu cầu khắt khe của nước nhập khẩu, giữ thế chủ động trong hoạt động SXKD và đóng góp đáng kể vào lợi nhuận chung của Công ty. Chi phí nuôi và hầu hết các chỉ tiêu kỹ thuật nuôi đều đạt tốt hơn so với vụ nuôi năm 2010.

**2/ Chế biến thủy sản**

Để duy trì và nâng cao hiệu quả sản xuất đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường, Công ty liên tục cải tiến công nghệ, triển khai đồng bộ các biện pháp tổ chức quản lý và chỉ đạo sản xuất:

- Duy trì sản xuất 2 nhóm sản phẩm nghêu và cá tra, tiếp tục sản xuất một số mặt hàng GTGT như cá xiên que, cắt khúc, tẩm bột, nghêu tẩm gia vị,... Mặc dù sản lượng chưa nhiều nhưng hàng GTGT mang lại hiệu quả khá cao.

- Duy trì tốt điều kiện sản xuất đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và điều kiện bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm của cơ quan quản lý trong nước, ngoài nước và khách hàng.

- Tăng cường công tác quản lý chất lượng: kiểm soát chặt chẽ vấn đề vi sinh, giải quyết kịp thời các khiếu nại của khách hàng, quản lý tốt các hồ sơ quản lý chất lượng,...

- Điều kiện sản xuất nhà máy năm 2011, qua đánh giá xếp loại cuối năm của NAFIQAD, được xếp loại A và được áp dụng chế độ kiểm tra giảm trong vòng 12 tháng.

Kết quả hoạt động sản xuất chế biến: Thành phẩm sản xuất đạt 9.211 tấn (mặt hàng nghêu chiếm 32%), so với kế hoạch đạt 102,3%.

**3/ Kinh doanh**

Nhờ làm tốt công tác thị trường, có chiến lược kinh doanh rõ ràng, thực hiện tốt chính sách khách hàng, chính sách chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng nên hoạt động xuất khẩu năm 2011 tiến triển tốt:

- Duy trì được vị thế tại các thị trường truyền thống EU, Nhật, Mỹ. Trong đó, thị trường EU: 55,87%, Nhật: 11,52%, Mỹ: 8,78%, thị trường khác như Úc, Ai Cập, Colombia, Trung Đông, Hồng Kông, Singapore,... chiếm 23,82% nằm trong chiến lược giảm thiểu rủi ro, đa dạng hóa thị trường và thâm nhập các thị trường mục tiêu mới. Đây là cơ cấu thị trường xuất khẩu ổn định từ nhiều năm và được duy trì, phát triển hàng năm.

- Kết quả phản hồi của khách hàng qua khảo sát khách hàng định kỳ năm 2011 của Công ty cho thấy mức độ thoả mãn khách hàng rất cao: có 49,79% khách hàng hoàn toàn thoả mãn, 30,29% rất thoả mãn và 18,33% khá thoả mãn với dịch vụ khách hàng của Công ty.

- Làm tốt công tác giao nhận và thanh toán quốc tế nên không xảy ra tranh chấp, mất mát trong hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty.

**Kết quả xuất khẩu:**

- Thành phẩm xuất khẩu đạt 8.585 tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 27,7 triệu USD (nghe 29,21%, cá 70,79%), tăng 9,7% so với năm 2010.

- Kim ngạch xuất khẩu cá tăng 4,6% so với năm 2010. Trong đó, kim ngạch thị trường Mỹ đạt 757.940 USD (năm 2010 không xuất), thị trường Nhật tăng 229%, thị trường khác tăng 63,6%, thị trường EU tăng 14,6%.

- Xuất khẩu hàng cá có chứng nhận GlobalGAP vào các thị trường Pháp, Hà Lan, Ý, Đức chiếm 19,9% kim ngạch xuất khẩu cá.

- Đứng thứ 2 cả nước về xuất khẩu nghe, đứng thứ 23 về xuất khẩu cá tra, đứng thứ 49 về xuất khẩu thủy sản.

#### **4/ Đầu tư nâng cấp**

Xác định công nghệ là yếu tố quan trọng trong chế biến thủy sản, trong năm Công ty tiếp tục đầu tư vào máy móc thiết bị và cải tiến công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động nuôi theo tiêu chuẩn quốc tế, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm chế biến, Công ty đã chi 3.520.332.791 đồng đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, trang bị mới các thiết bị chuyên dùng và hạng mục phụ trợ:

- Hoàn thành hệ thống đường dẫn và đường nội bộ tại các trại nuôi.

- Trang bị cho trại nuôi và nhà máy nhiều thiết bị mới như dàn ngưng tụ, máy hút chân không, hệ thống máy nước nóng năng lượng mặt trời, máy điều hoà không khí; máy in phun, máy xiphong, ghe composit,....

- Hoàn chỉnh các khu vực phụ trợ như nâng cấp hội trường Công ty, cải tạo tường, trần nền nhà máy, thảm bê-tông nhựa nóng đường nội bộ, làm bờ kè, hàng rào, san nền tạo mặt bằng công viên bờ sông Tiên,....

- Lắp đặt và đưa vào sử dụng hệ thống pa-lăng xe gòng vận chuyển cá nguyên liệu, cải tạo kho 100T thành hầm đông chạy nghe nguyên con đạt năng suất cao, cải tiến bộ rửa tôm không còn sử dụng đưa vào rửa cá giúp đơn giản hoá công việc và tiết kiệm lao động,...đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất chế biến.

Nhờ được tập trung đầu tư nâng cấp qua nhiều năm, đến nay máy móc thiết bị tại Công ty đã hoạt động có hiệu quả cao, góp phần duy trì ổn định và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng về chất lượng sản phẩm, mức độ thân thiện với môi trường.

#### **5/ Quản lý**

Coi trọng đúng mức công tác kiểm soát và xây dựng môi trường kiểm soát mạnh, năm 2011 Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý và kiểm soát nội bộ:

- Ban hành và đưa vào áp dụng nhiều qui định mới về quản lý và kiểm soát nội bộ tại Công ty và trại nuôi trong lãnh vực tài chính kế toán, vật tư hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu, nhân sự...

- Định kỳ đánh giá mức độ vận hành và các hạn chế để điều chỉnh kịp thời các văn bản thuộc hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Tăng cường vai trò trách nhiệm của các trưởng bộ phận về quản lý và triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Phát huy tốt hệ thống phần mềm quản lý nguồn lực doanh nghiệp ERP trong công tác quản lý điều hành, thông tin tình hình sản xuất kinh doanh chính xác, kịp thời và minh bạch để phục vụ nhà đầu tư.

- Phát động phong trào tiết kiệm trong toàn Công ty bằng những việc làm cụ thể với tinh thần người người tiết kiệm, từng bộ phận và đoàn thể tiết kiệm, góp phần cắt giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm thực hiện theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ.

Năm 2011, Công ty tiếp tục được các tổ chức chứng nhận đánh giá và tái chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO, BRC, MSC CoC, GlobalGAP. Đây là lợi thế cạnh tranh của Công ty để thâm nhập và mở rộng thị phần tại các thị trường có yêu cầu khắt khe về chất lượng như EU, Nhật, Mỹ,...

#### **6/ Nhân sự, chính sách đối với người lao động và trách nhiệm xã hội**

*a/ Tình hình nhân sự* : Đến 31/12/2011, số lượng CB-CN Công ty là 1.016 người. Trong đó: Đầu kỳ: 1.042 người; Tuyển mới: 334; Nghỉ việc, bỏ việc: 315 người; CN nữ: 658 người; Trình độ Sau ĐH- ĐH và CĐ: 85 người ; THCN: 55 người; có nhiều CB-CN có bề dày gắn bó với Công ty. Ngày 10/01/2012, HĐQT Công ty đã miễn nhiệm chức vụ phó Giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Xuân Hùng để nghỉ hưu theo chế độ, đồng thời bổ nhiệm Ông Bùi Kim Hiếu và Ông Phan Hữu Tài làm phó Giám đốc Công ty.

*b/ Đào tạo* : Công tác đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề được chú trọng. Năm 2011 Công ty tổ chức đào tạo cho 275 lượt CB-CN. Trong đó, đào tạo tại chỗ: 237 lượt, gửi đi đào tạo bên ngoài: 38 lượt.

*c/ Giải quyết chế độ chính sách*: Công ty thực hiện tốt và đầy đủ các chế độ chính sách, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe cho người lao động như mua BHYT, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, cấp tiền tham quan nghỉ mát, duy trì tốt hoạt động loa truyền thanh nội bộ, câu lạc bộ karaoke và rút thăm trúng thưởng vào dịp liên hoan tất niên, chi bổ sung lương vào các dịp lễ lớn, chi tiền thưởng cuối năm cho người lao động, chi tiền thưởng vượt chỉ tiêu lợi nhuận cho cán bộ điều hành theo Nghị quyết của ĐHCĐ,... Qua đó góp phần nâng cao tính cạnh tranh về nhân lực của Công ty.

*d/ Thu nhập bình quân*: Công ty duy trì đầy đủ các chế độ đãi ngộ, đảm bảo việc làm và thu nhập bình quân đạt 2.850.000 đồng/người/tháng.

*e/ Trách nhiệm xã hội*: Với ý thức cao về trách nhiệm xã hội, Công ty tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội, từ thiện với tổng số tiền đóng góp là 4,43 tỷ đồng cho các chương trình xã hội và các hoạt động từ thiện hướng đến cộng đồng như: tặng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, xây dựng cầu đường nông thôn, quỹ khuyến học,... Đặc biệt, Công ty đã bàn giao cho địa phương Trường Mầm non ABT theo chuẩn quốc gia qui mô 150 học sinh tại xã Tân Thạch là nơi Công ty đã tọa lạc trong hơn 30 năm qua.

*f/ Hoạt động đảng và đoàn thể*: Bên cạnh hoạt động SXKD, Công ty chú trọng xây dựng lực lượng chính trị nòng cốt, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đảng và đoàn thể trong tổ chức hoạt động và tham gia thực hiện nhiệm vụ SXKD tại Công ty. Đảng bộ Công ty với 79 đảng viên đang sinh hoạt tại 3 chi bộ, luôn là hạt nhân chính trị cùng với ban điều hành lãnh đạo Công ty và các đoàn thể hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra. Với nhiều thành tích nổi bật, Đảng bộ Công ty năm 2011 được cấp trên công nhận Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu, Công đoàn cơ sở được công nhận vững mạnh xuất sắc, Đoàn ủy thanh niên được công nhận vững mạnh.

#### **7/ Tài chính và công tác quan hệ nhà đầu tư**

Trong bối cảnh có nhiều biến động về thị trường tài chính, trong năm công tác tài chính của Công ty tiếp tục đạt được kết quả đáng ghi nhận:

- Thực hiện 4 đợt chi tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt năm 2011 với tỷ lệ chia là 60%, đánh dấu sự gia tăng liên tục tỷ lệ chia cổ tức từ năm 2004 đến nay và nêu bật sự tăng trưởng ổn định của Công ty trong các năm qua. ABT là một trong những công ty niêm yết có mức cổ tức cao trong các năm qua.

- Mua 4 đợt cổ phiếu theo NQ của ĐHCĐ thường niên 2011 đạt 2.574.900 CP, chiếm 18,9% vốn điều lệ.

Kết quả các chỉ số tài chính năm 2011 đều đạt cao so với mức bình quân của ngành, đạt yêu cầu về chất lượng, an toàn và hiệu quả trong hoạt động, là năm thứ 5 liên tiếp cổ phiếu ABT duy trì mức giá cao nhất trong số cổ phiếu các công ty ngành thủy sản đang niêm yết.

Bên cạnh phát triển SXKD, Công ty cũng thực hiện tốt chế độ công bố thông tin cho cơ quan chức năng và nhà đầu tư theo luật định:

- Kết quả SXKD và các thông tin quan trọng của Công ty đều được công bố đầy đủ tại website [www.aquatexbentre.com](http://www.aquatexbentre.com) và được công bố trên các phương tiện đại chúng khác như báo chí, bản tin chứng khoán, website của Sở GDCK TP. HCM và các công ty chứng khoán.

- Công ty tiếp tục liên kết mục quan hệ cổ đông trên website [www.aquatexbentre.com](http://www.aquatexbentre.com) với thông tin công bố trên EzSearch của Công ty chứng khoán FPT, tạo cơ sở minh bạch hóa toàn diện và sâu sắc thông tin về Công ty.

- Trong năm Công ty cũng đã đón tiếp nhiều lượt nhà đầu tư cá nhân, quỹ đầu tư, ngân hàng, công ty chứng khoán,... đến tìm hiểu cơ hội đầu tư.

- Số lượng cổ đông theo danh sách chốt ngày 24/02/2012 là 1.278 cổ đông. Trong đó, cổ đông nội bộ chiếm 16,25%, cổ đông trong nước chiếm 72,39%, cổ đông nước ngoài chiếm 11,36% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Theo kết quả khảo sát từ cộng đồng nhà đầu tư tại Vietstock.vn từ ngày 23/11/2011-31/12/2011, ABT là một trong 3 doanh nghiệp có hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư (IR) tốt nhất năm 2011 trong tổng cộng 695 doanh nghiệp niêm yết trên cả 2 Sở GDCK. Bên cạnh đó, Công ty là một trong 11 doanh nghiệp ngành thủy sản cả nước được xếp vào top 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam năm 2011 và là một trong 35 doanh nghiệp ngành thủy sản được xếp vào top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam theo xếp hạng của Vietnam Report.

## 8/ Báo cáo tài chính

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2011 (Đồng)	% tăng/giảm so năm 2010	% đạt so kế hoạch năm 2011
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	662.822.051.719	-3,31%	94,68%
2	Lợi nhuận trước thuế	106.801.324.264		
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.018.481.477		
4	Lợi nhuận sau thuế	99.782.842.787	+6,29%	117,39%
4.1	-Trích quỹ phát triển sản xuất	10.047.004.619		
4.2	-Trích quỹ dự phòng tài chính	1.798.548.830		
4.3	-Trích quỹ khen thưởng	2.340.000.000		
4.4	-Trích quỹ phúc lợi	2.400.000.000		
4.5	-LN cố định chia cho hộ hợp tác nuôi thủy sản	3.280.900.000		
4.6	-Chia cổ tức	71.622.942.000		
4.7	-LN chưa phân phối	11.729.989.106		
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.014		

## II/ Đánh giá chung

Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới năm 2011 suy giảm, lạm phát, lãi suất và tỷ giá trong nước tăng, các chi phí nhân công, vật tư, nguyên liệu, điện, xăng dầu, vật liệu phụ, thức ăn, hoá chất, thuốc thú y thủy sản đều tăng trên 20%, một số doanh nghiệp cạnh tranh không lành mạnh đã tìm mọi cách hạ giá bán sản phẩm tại một số thị trường,... nhưng năm 2011 Công ty vẫn hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch năm.

Trên cơ sở đó, Công ty cũng đã duy trì và tạo được các lợi thế về nguồn nguyên liệu, thị trường, hệ thống quản trị đặc thù, hoạt động nuôi, chế biến và xuất khẩu đạt chuẩn mực quốc tế, khả năng tự chủ về tài chính tốt, tính công khai và minh bạch trên thị trường cao là tiền đề tốt để duy trì hoạt động của Công ty trong các năm tiếp theo.

Đây là thành tích đáng tự hào, là kết quả nỗ lực phấn đấu không mệt mỏi của CB-CN Công ty trong bối cảnh đầy khó khăn của nền kinh tế toàn cầu cũng như ở trong nước, cộng với những

tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh thủy sản,... Qua đó cho thấy Công ty đang phát triển ổn định, tiếp tục khẳng định thương hiệu và vị thế của Công ty trên thương trường.

Đạt được các kết quả trên là do Công ty đã xây dựng được mục tiêu - định hướng đúng đắn: Thận trọng trong kinh doanh, xác định qui mô phù hợp với đặc điểm ngành và khả năng quản lý, chú trọng phát triển theo chiều sâu, khép kín, xem chất lượng và uy tín Công ty là trên hết, kết hợp với sự điều hành linh hoạt, chỉ đạo sát sao, đề ra mục tiêu hoạt động kịp thời và hợp lý cho từng thời điểm; bộ máy quản lý điều hành đã quán triệt và triển khai có hiệu quả các kế hoạch, chủ trương của Công ty nên đã phát huy các nguồn lực bên trong và bên ngoài Công ty một cách tối ưu nhất. Bên cạnh các kết quả đạt được, Công ty cần phải khắc phục những hạn chế như: Tỷ lệ sống cá giống ương đạt chưa cao, chưa rút ngắn được thời gian trị bệnh cá, tỷ trọng hàng GTGT còn thấp, công tác tuyển dụng chưa đáp ứng đủ nhu cầu lao động cho Công ty.

## **B/ BÁO CÁO TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2011:**

### **I/ Thành viên và cơ cấu của HĐQT**

- HĐQT nhiệm kỳ 2007-2011 gồm 5 thành viên được bầu tại ĐHCĐ thường niên 2007 ngày 31/03/2007: Ông Đặng Kiệt Tường - Chủ tịch HĐQT; Ông Lê Bá Phương - Phó Chủ tịch HĐQT; Ông Lương Văn Thành, Ông Lương Thanh Tùng và Bà Nguyễn Thị Ngọc Lê là thành viên HĐQT.

- Thành viên độc lập không điều hành: gồm Ông Lương Văn Thành và Ông Lương Thanh Tùng.

### **II/ Hoạt động của HĐQT**

- Giám sát Ban giám đốc Công ty, trưởng các phòng ban và đơn vị trực thuộc trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày.

- Tổ chức họp và ban hành 12 Nghị quyết trong năm 2011 về các vấn đề: báo cáo tài chính và phương hướng hoạt động hàng quý, điều chỉnh loại chứng khoán, chia tạm ứng cổ tức, mua cổ phiếu quỹ, khen thưởng ban điều hành, miễn nhiệm và bổ nhiệm cán bộ,... HĐQT cũng đã tổ chức nhiều cuộc họp qua điện thoại để thảo luận và quyết định nhiều vấn đề quan trọng, cấp bách.

- Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên 2011 vào ngày 26/3/2011.

- Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành vừa tham gia các hoạt động chung của HĐQT và trực tiếp theo dõi, giám sát công tác quản lý của ban điều hành.

### **III/ Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty**

- Tiếp tục hoàn thiện các nội dung về quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết.

- HĐQT, BKS và Ban giám đốc Công ty thường xuyên phối hợp để ban hành các chủ trương, chính sách mới trong công tác quản lý điều hành và triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.

- BKS thường xuyên phối hợp cùng HĐQT và Ban giám đốc Công ty về việc tuân thủ về điều lệ, nội qui và qui chế hoạt động.

## **C/ MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2012:**

### **I/ Dự báo tình hình**

#### **1/ Điểm mạnh**

- Có uy tín cao, nguồn vốn ổn định, trang thiết bị đồng bộ, qui mô Công ty vừa phải.

- Có vùng nguyên liệu, áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng trong nuôi trồng và chế biến tiên tiến với đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm, trách nhiệm cao,...

- Cơ cấu khách hàng và thị trường tốt, ổn định như EU, Mỹ, Nhật,... mang lại triển vọng doanh thu ổn định và lâu dài.

- Cơ cấu sản phẩm hợp lý với khả năng thay đổi dễ dàng theo từng thời điểm.

#### **2/ Điểm yếu**

- Lao động có tay nghề và lao động phổ thông luôn thiếu so với nhu cầu.

- Tỷ trọng hàng GTGT còn thấp.

- Vị trí tọa lạc của Công ty tại khu dân cư nên không thuận lợi về an ninh, mỹ quan, môi trường và sử dụng điện,...

### 3/ Cơ hội

- Xu hướng nhu cầu thủy sản thế giới vẫn tiếp tục tăng mạnh, cùng với tình hình sụt giảm nguồn cung cấp thủy sản khai thác và nuôi trồng ở một số nước.

- Những diễn biến khó khăn trong các nền kinh tế, đặc biệt tại khách hàng lớn, truyền thống của cá tra Việt Nam là EU lại đang tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm thủy sản. Với chất lượng tốt, giá hợp lý với người tiêu dùng, cá tra sẽ là đối thủ “nặng ký” với sản phẩm đang được ưa chuộng và rẻ nhất tại Châu Âu là thịt gà.

- Hình ảnh cá tra cũng dần được cải thiện qua việc tổ chức WWF công nhận cá tra là loài thủy sản nuôi trồng bền vững, khuyến khích người tiêu dùng thế giới sử dụng.

- Việt Nam có chương trình giám sát nguyên thể 2 mảnh vỏ được EU công nhận, nghề Bến Tre là nghề cá đầu tiên ở Đông Nam Á được cấp chứng nhận MSC. Được xem là sản phẩm sinh thái, sản phẩm “sạch”, sản phẩm nghề đặc thù của Công ty có thị trường lớn, ít “đụng hàng” với sản phẩm của các nhà máy khác trong nước và ít bị cạnh tranh bởi các sản phẩm cùng loại tại các nước nhập khẩu.

### 4/ Thách thức

- Trước sức ép suy giảm kinh tế toàn cầu, gia tăng bảo hộ sản xuất trong nước, nhiều rào cản thương mại được đặt ra, sản phẩm cá tra bị các nước nhập khẩu tăng cường kiểm soát về chất lượng, an toàn thực phẩm, đặc biệt là dư lượng hóa chất, kháng sinh cấm.

- Sản phẩm cá tra Việt Nam không phải duy nhất, mà đối thủ cạnh tranh của nó là cá da trơn của Mỹ, một số quốc gia châu Á cũng nuôi được cá tra.

- Nhiều nhà máy chế biến thủy sản mới thành lập dẫn đến sự cạnh tranh không lành mạnh trong nước về chất lượng, giá bán, về cán bộ quản lý và công nhân.

- Nguy cơ suy thoái môi trường và dịch bệnh cá nuôi ngày càng tăng.

## II/ Định hướng SXKD

**1/ Mục tiêu chung:** Không ngừng cải tiến và nâng cao năng lực quản lý để giữ vững tốc độ sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty.

### 2/ Mục tiêu và giải pháp cụ thể

#### 2.1/ Công tác nuôi

- Duy trì điều kiện phân cứng và phân mềm hệ thống GlobalGAP tại các trại nuôi đã được chứng nhận.

- Mở rộng diện tích ao ương và tăng sản lượng cá giống.

- Cung cấp cá tra nguyên liệu đáp ứng đủ 100% nhu cầu chế biến của nhà máy, đảm bảo kiểm soát chất lượng cá nuôi theo đúng các tiêu chuẩn trong và ngoài nước.

- Tiếp tục cải tiến kỹ thuật, gia tăng tỷ lệ sống cá ương nuôi, chú trọng đến các yếu tố phát triển bền vững từ nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

#### 2.2/ Chế biến thủy sản

- Duy trì sản xuất đồng thời 2 nhóm sản phẩm nghề và cá tra theo cơ cấu sản phẩm 50% nghề và 50% cá tra.

- Mở rộng chủng loại và số lượng các mặt hàng chế biến có GTGT và hàng có chứng nhận GlobalGAP và MSC từ 2 mặt hàng này .

- Duy trì việc quản lý sản xuất theo các tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO, HACCP, BRC, MSC CoC.

- Tiếp tục cải tiến công tác quản lý, sử dụng hiệu quả lao động và công suất máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hạ định mức chế biến và giá thành sản phẩm, nâng cao hơn nữa khả năng cạnh tranh.

#### 2.3/ Kinh doanh

- Thực hiện tốt việc tiêu thụ sản phẩm đảm bảo phù hợp với điều kiện sản xuất, cơ cấu nguyên liệu để thúc đẩy các hoạt động khác của Công ty phát triển.

- Đẩy mạnh kinh doanh xuất khẩu nghề và sản phẩm GTGT, củng cố vị thế xuất khẩu mặt hàng nghề tại Việt Nam.

- Cùng cố các khách hàng, thị trường truyền thống trên cơ sở khai thác tốt các phân khúc thị trường có tiềm năng phù hợp với thế mạnh của Công ty, chú ý các thị trường mới nổi như Mécô, Braxin, Châu Phi...

- Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá tiếp thị tập trung vào hệ thống truy xuất, vùng nguyên liệu đạt chứng nhận quốc tế (cá GlobalGAP, ngêu MSC) và năng lực đáp ứng các đơn hàng dài hạn.

#### **2.4/ Đầu tư nâng cấp**

- Trang bị mới và cải tiến thường xuyên máy móc thiết bị, thực hiện tốt công tác bảo trì nhà xưởng và trang thiết bị, đáp ứng yêu cầu nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm và giữ vững điều kiện sản xuất tại nhà máy.

- Nâng cao năng lực cấp đông và khai thác tối đa tính năng của các thiết bị hiện có.

- Nâng cấp từng bước các hạng mục XDCB tại nhà máy và các trại nuôi.

#### **2.5/ Quản lý**

- Tiếp tục hoàn thiện các qui trình quản lý nội bộ, tăng cường quản lý lãnh vực nuôi trồng và cung ứng vật tư.

- Thực hiện triệt để chính sách tiết kiệm trong toàn Công ty và kiểm soát chặt chẽ chi phí.

- Quản lý tối ưu các nguồn lực hiện có của Công ty.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của từng cá nhân, thực hiện đánh giá công việc hàng tháng đối với cán bộ chủ chốt trong Công ty.

- Xây dựng chế độ tiền lương, khen thưởng, kỷ luật hợp lý góp phần tạo môi trường làm việc công bằng, bình đẳng và phát huy tốt năng lực CB-CN trong toàn Công ty.

#### **2.6/ Nhân sự và trách nhiệm xã hội**

- Xây dựng, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với chiến lược phát triển SXKD của Công ty, từng bước hình thành đội ngũ CB-CN có năng lực và kinh nghiệm, sẵn sàng đảm nhận nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội thông qua việc tuân thủ tốt những qui định về bảo vệ môi trường, luật pháp, đảm bảo quyền lợi của người lao động.

#### **2.7/ Tài chính và công tác quan hệ nhà đầu tư**

- Thực hiện hoạt động tài chính và các biện pháp sử dụng tối ưu nguồn vốn để khai thác hiệu quả nguồn vốn, nâng cao lợi nhuận.

- Tăng cường công tác kế toán tài chính và kế toán quản trị nhằm phục vụ có hiệu quả công tác quản lý điều hành.

- Xây dựng hệ thống tài chính lành mạnh, minh bạch và hệ thống quản lý rủi ro xác hợp từng thời điểm.

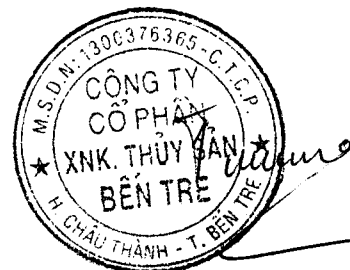
- Cung cấp thông tin trung thực, kịp thời và công bằng đến các cổ đông.

### **3/ Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD đề xuất cho năm 2012**

- Thành phẩm thủy sản: 9.000 tấn;      - Doanh thu thuần: 700 tỷ đồng;

- Lợi nhuận trước thuế: 90 tỷ đồng;      - Chia cổ tức: 40-60%

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**ĐẶNG KIẾT TƯỜNG**





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN  
BẾN TRE**

**AISC**

ACCOMPANY WITH BUSINESS



Số 11257-CN/AISC-DN3

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281  
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN BẾN TRE**

**Kính gửi:**

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.**  
**Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Bến Tre**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 16 tháng 01 năm 2012 của CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN BẾN TRE từ trang 04 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN BẾN TRE tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. HCM, ngày 15 tháng 3 năm 2012

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**Nguyễn Quang Tuyên**  
Số chứng chỉ KTV: 0113/KTV  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



**Trương Diệu Thúy**  
Số chứng chỉ KTV: 0212/KTV  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>363.244.966.025</b>	<b>417.091.710.751</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>106.046.557.537</b>	<b>152.349.675.519</b>
1. Tiền	111		21.046.557.537	132.349.675.519
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.000.000.000	20.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>64.937.483.475</b>	<b>32.896.659.979</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		88.498.031.579	37.010.476.092
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(23.560.548.104)	(4.113.816.113)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>82.487.421.630</b>	<b>129.920.913.127</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		79.490.791.050	127.532.394.162
2. Trả trước cho người bán	132		60.299.948	1.618.074.199
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	3.483.197.105	1.317.311.239
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(546.866.473)	(546.866.473)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.04</b>	<b>107.040.945.246</b>	<b>99.270.855.270</b>
1. Hàng tồn kho	141		107.040.945.246	103.880.113.977
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(4.609.258.707)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.732.558.137</b>	<b>2.653.606.856</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.162.566.152	2.371.534.786
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	569.991.985	282.072.070

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>114.863.983.946</b>	<b>184.833.509.836</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>46.919.099.573</b>	<b>50.383.519.260</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	39.747.010.008	42.981.975.895
- Nguyên giá	222		84.566.650.753	81.046.317.962
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.819.640.745)	(38.064.342.067)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	7.172.089.565	7.401.543.365
- Nguyên giá	228		8.078.104.788	8.078.104.788
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(906.015.223)	(676.561.423)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.08</b>	<b>26.152.138.000</b>	<b>88.510.447.300</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		42.729.950.000	107.142.666.924
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(16.577.812.000)	(18.632.219.624)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>41.792.746.373</b>	<b>45.939.543.276</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	41.792.746.373	45.939.543.276
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>478.108.949.971</b>	<b>601.925.220.587</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>85.800.179.824</b>	<b>157.647.099.559</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>85.686.141.553</b>	<b>157.647.099.559</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	26.968.251.448	61.643.813.810
2. Phải trả cho người bán	312		14.652.907.761	20.970.986.910
3. Người mua trả tiền trước	313		708.945.348	2.588.923.958
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	2.335.451.117	9.617.961.089
5. Phải trả người lao động	315		20.420.482.774	18.600.708.791
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	17.090.991.105	41.659.416.096
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.509.112.000	2.565.288.905
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>114.038.271</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		114.038.271	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

